

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Động Đá, xã Phong Thu, huyện Phong Điền

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 705/STNMT-MT ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Động Đá, xã Phong Thu, huyện Phong Điền;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Động Đá, xã Phong Thu, huyện Phong Điền đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 46/CV-SL ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư Sline;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 120/TTr- STNMT-MT ngày 24/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Động Đá, xã Phong Thu, huyện Phong Điền (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Sline (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong Thu;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sline;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TN.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐẤT LÀM VẬT LIỆU
SAN LẤP TẠI KHU VỰC ĐỘNG ĐÁ, XÃ PHONG THU, HUYỆN PHONG ĐIỀN**

*(Kèm theo Quyết định số 757 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022
của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực Động Đá, xã Phong Thu, huyện Phong Điền.
- Địa điểm thực hiện: xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty Cổ phần Đầu tư Sline.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi, quy mô:

- Dự án có diện tích 6,5 ha được chia ra hai khu: khu A (diện tích 3,1 ha) và khu B (diện tích 3,4 ha), khoảng cách giữa 2 khu khoảng 180m.
- Trữ lượng khai thác: trữ lượng khai thác là 849.551 m³ nguyên khối địa chất tương đương 1.401.759 m³ nguyên khai, với hệ số nở rời 1,273. Trong đó:
 - + Khu A với trữ lượng khai thác là 204.562 m³ nguyên khối địa chất tương đương 260.407 m³ nguyên khai, với hệ số nở rời 1,273.
 - + Khu B với trữ lượng khai thác là 644.989 m³ nguyên khối địa chất tương đương 821.071 m³ nguyên khai, với hệ số nở rời 1,273.

1.2.2. Công suất:

- Năm thứ 1: 400.000 m³/năm khối địa chất (tương đương với 509.200 m³/năm nguyên khai, hệ số nở rời 1,273).
- Năm thứ 2: 150.000 m³/năm khối địa chất (tương đương với 190.950 m³/năm nguyên khai, hệ số nở rời 1,273).
- Năm thứ 3 đến năm thứ 7: 50.000 m³/năm khối địa chất (tương đương với 63.650m³/năm nguyên khai, hệ số nở rời 1,273).
- Năm thứ 8: 49.551 m³/năm khối địa chất (tương đương với 63.078 m³/năm nguyên khai, hệ số nở rời 1,273).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- Các hạng mục công trình chính, phụ trợ của dự án: nhà điều hành, bãi tập kết thiết bị máy móc, khu vực để xe, trạm cân, tuyến đường vận chuyển, diện khai thác ban đầu.
- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của dự án: hệ

thống thu gom, thoát nước mưa (mương thu gom, đê bao, 04 hồ lắng), hệ thống thu gom xử lý nước thải (nhà vệ sinh di động, hồ lắng cạnh trạm xịt rửa xe), 01 thùng chứa chất thải rắn (dung tích 120 lít), kho chất thải nguy hại (diện tích 12 m²), 03 thùng chứa chất thải nguy hại (dung tích 50 lít/thùng), 01 trạm xịt rửa xe tự động, 01 trạm xịt rửa xe di động, 02 giàn phun nước chống bụi, 02 xe bồn phun nước chống bụi.

1.4. Các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án:

- Hoạt động khai thác và vận chuyển đất san lấp có nguy cơ ảnh hưởng đến cán bộ công nhân khai thác của dự án, người dân lao động chăm sóc rừng xung quanh dự án, người dân tham gia giao thông và người dân sống hai bên tuyến đường vận chuyển (đường ĐT 9).

- Xung quanh dự án là rừng sản xuất (keo lai và thông), bụi phát sinh có thể ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của các loài cây trồng này.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động chuẩn bị mặt bằng để khai thác (xây dựng tuyến đường vận chuyển, tạo diện khai thác ban đầu và xây dựng công trình bảo vệ môi trường).

- Hoạt động khai thác đất tại khu mỏ và vận chuyển đất đến các công trình.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn mở vỉa, xây dựng cơ bản

3.1.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân và nước mưa chảy tràn.

- + Nước thải sinh hoạt: thành phần chủ yếu các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (TSS), chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và các vi sinh vật; lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày.

- + Nước mưa chảy tràn: thành phần chủ yếu đất đá, cát, chất thải rắn sinh hoạt; lưu lượng khoảng 3.420,7 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh chủ yếu từ hoạt động đào đắp, hoạt động của máy móc thiết bị.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân; thành phần chủ yếu là các hợp chất hữu cơ và các loại bao bì khó phân hủy như PVC, PE, vỏ lon nước giải khát; khối lượng khoảng 3,5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường: phát sinh từ hoạt động phát quang, đào đắp.

+ Hoạt động phát quang: thành phần chủ yếu là sinh khối; khối lượng khoảng 266,5 tấn.

+ Hoạt động đào đắp: thành phần chủ yếu là đất thải; khối lượng khoảng 26.263,0 m³.

- Chất thải nguy hại: thành phần chủ yếu là cặn dầu thải, giẻ lau dính dầu; khối lượng khoảng 9,0 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông, máy móc phục vụ quá trình phát quang, đào đắp.

3.1.4. Các tác động khác:

- Hiện trạng khu đất chủ yếu là rừng trồng sản xuất. Do đó, việc thực hiện Dự án sẽ ảnh hưởng đến rừng trồng sản xuất.

3.2. Giai đoạn khai thác

3.2.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải: phát sinh từ hoạt động xịt rửa lốp xe, hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân và nước mưa chảy tràn.

+ Nước thải từ hoạt động xịt rửa lốp xe: năm 1, lưu lượng khoảng 9,0 m³/ngày; năm 2, lưu lượng khoảng 3,4 m³/ngày; các năm còn lại (năm 3, 4, 5, 6, 7 và 8), lưu lượng khoảng 1,1 m³/ngày.

+ Nước thải sinh hoạt: năm 1, lưu lượng khoảng 1,4 m³/ngày; năm 2, lưu lượng khoảng 0,7 m³/ngày; các năm còn lại (năm 3, 4, 5, 6, 7 và 8), lưu lượng khoảng 0,45 m³/ngày.

+ Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn tại khu vực khai thác: năm 1, lưu lượng khoảng 3.420,7 m³/ngày; các năm còn lại (năm 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8), lưu lượng khoảng 17.895 m³/ngày; nước mưa chảy tràn trên toàn lưu vực, lưu lượng khoảng 4.210 m³/ngày.

- Bụi, khí thải: phát sinh chủ yếu từ hoạt động xúc bốc lên phương tiện vận chuyển và bụi sinh ra từ khói thải của các phương tiện, thiết bị khai thác và hoạt động vận chuyển đất đi tiêu thụ bằng xe tải trên đường.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân, hoạt động nạo vét hồ lắng.

+ Hoạt động sinh hoạt: năm 1, khối lượng khoảng 9,8 kg/ngày; năm 2, khối lượng khoảng 4,9 kg/ngày; các năm còn lại (năm 3, 4, 5, 6, 7 và 8), khối lượng khoảng 3,15 kg/ngày.

+ Hoạt động nạo vét hồ lắng: năm 1, dự án khai thác khu A và khu B nên bùn phát sinh trong năm 1 tại hồ lắng 1, 2, 3 và 4 với tổng khối lượng khoảng 6.187,0 m³/lần; các năm còn lại (năm 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8), bùn chỉ phát sinh tại hồ lắng 3 và 4, với tổng khối lượng khoảng 4.166,0 m³/lần.

- Chất thải nguy hại: thành phần chủ yếu là các loại dầu thủy lực thải khác; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác; giẻ lau thải bị nhiễm các thành phần nguy hại. Khối lượng: năm 1, khối lượng khoảng 175,0 kg/năm; năm 2, khối lượng khoảng 110,0 kg/năm; các năm còn lại (năm 3, 4, 5, 6, 7 và 8), khối lượng khoảng 45,0 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung:

- Phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông, máy móc thiết bị khai thác và vận chuyển.

3.2.4. Sự cố môi trường:

- Quá trình khai thác có nguy cơ xảy ra các sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở đất; sự cố tai nạn tại công trình; sự cố dịch bệnh, an toàn thực phẩm; sự cố đối với hồ lắng.

3.2.5. Các tác động khác:

- Quá trình khai thác có nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động giao thông, vận tải chung của khu vực, an ninh trật tự, tác động đến cảnh quan môi trường sinh thái, bệnh nghề nghiệp.

3.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ:

- Bụi và khí thải: phát sinh từ các hoạt động san gạt đất để trồng cây, hoạt động của các phương tiện, máy móc thực hiện việc san gạt đất.

- Chất thải rắn: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân, hoạt động cải tạo phục hồi môi trường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng khoảng 1,0 kg/ngày.

+ Hoạt động cải tạo phục hồi môi trường: chủ yếu là chất thải hữu cơ (rác, lá cây), khối lượng ít và không đáng kể.

- Sự cố môi trường: trong giai đoạn này, các sự cố có thể phát sinh như: sự cố cháy rừng, tai nạn lao động; sự cố sạt lở đất.

- Các tác động khác: tiếng ồn, giảm nguồn cung cấp vật liệu san lấp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn mở vỉa, xây dựng cơ bản

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: lắp đặt nhà vệ sinh di động phục vụ nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân.

- Nước mưa chảy tràn: tổ chức và quản lý thi công hợp lý đối với từng hạng mục công trình và tập trung thi công vào những ngày trời nắng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động để hạn chế ảnh hưởng của khí thải và bụi đến sức khỏe công nhân. Sử dụng máy móc, thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về khí thải, thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng. Không tập trung nhiều phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một tuyến đường, tránh cộng hưởng khí thải và bụi.

- Sử dụng các loại xe đúng quy định hiện hành; không chở quá đầy, quá tải; không chạy tốc độ cao làm rơi vãi đất, đá, cát trên đường. Lu lèn, đầm đất chặt, đúng kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng xe, không sử dụng xe, máy móc thiết bị quá hạn, không được phép lưu hành sử dụng. Máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển khi không sử dụng sẽ được tắt máy.

- Áp dụng biện pháp mở vỉa, xây dựng cơ bản để đảm bảo rút ngắn thời gian mở vỉa, xây dựng cơ bản, bảo đảm an toàn giao thông và hạn chế các tác động có hại do bụi, khí thải.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn thông thường:

+ Hoạt động phát quang: thỏa thuận, hợp đồng với đơn vị thu mua để bán các thân cây, các phần còn lại của cây được tập trung khu vực nhà điều hành sau đó hợp đồng đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý.

+ Hoạt động đào đắp: khối lượng đất từ quá trình đào đắp là sản phẩm của dự án. Do đó, Chủ dự án sẽ tập kết trong khuôn viên dự án để khai thác, vận chuyển.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giảm thiểu tối đa việc sửa chữa thiết bị, máy móc trong khu vực dự án. Trường hợp các thiết bị, máy móc hư hỏng sẽ được sửa chữa tại các cơ sở trên địa bàn huyện. Chất thải nguy hại sẽ được thu gom và chứa riêng vào các thùng chứa có nắp đậy và có dán nhãn để phân biệt và xử lý cùng chất thải nguy hại trong giai đoạn khai thác.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Các thiết bị, phương tiện giao thông phải có giấy phép của Cơ quan Đăng

kiểm (trong đó có quy định về độ ồn cho phép). Thường xuyên kiểm tra mức ồn, rung của thiết bị, không sử dụng các thiết bị có mức ồn, độ rung lớn hơn tiêu chuẩn cho phép, định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn dầu mỡ và thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc, tăng cường kiểm tra, nhắc nhở công nhân tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn lao động, sử dụng trang bị bảo hộ lao động khi làm việc.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Chủ dự án lập phương án trồng rừng thay thế và các thủ tục liên quan theo quy định trước khi triển khai khai thác.

4.2. Giai đoạn khai thác

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải từ hoạt động xịt rửa lốp xe:

+ Nước thải từ hoạt động xịt rửa lốp xe tự động tại cổng khu B được thu gom về hồ lắng (thể tích 5m^3) đặt cạnh trạm xịt rửa xe, sau đó tuần hoàn tái sử dụng cho hoạt động xịt rửa xe, không xả thải ra môi trường.

+ Nước thải từ quá trình xịt rửa lốp xe di động: đào mương thoát nước để thu gom, thoát nước thải phát sinh, mương được bố trí các vách ngăn đảm bảo vừa thu gom vừa lắng nước thải trước khi dẫn về khe suối phía Đông dự án.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Sử dụng nhà vệ sinh di động để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng mương thu gom nước mưa xung quanh khu mỏ để dẫn nước mưa chảy tràn về hồ lắng. Mương thu gom dạng hình thang (chiều cao 0,4m, chiều rộng mặt trên 1,9m, chiều rộng mặt đáy 1,5 m). Xây dựng đê bao xung quanh khu vực đã khai thác để hạn chế nước mưa chảy tràn vào môi trường xung quanh. Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm tại vị trí các hồ lắng để tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra.

+ Xây dựng hồ lắng cho khu A và khu B (mỗi khu vực 02 hồ lắng, hồ lắng 1 và 2 chỉ sử dụng trong năm khai thác đầu tiên), cụ thể: hồ lắng 1 (thể tích khoảng 662m^3); hồ lắng 2 (thể tích khoảng 685m^3), hồ lắng 3 (thể tích khoảng 1.689m^3); hồ lắng 4 (thể tích khoảng 1.088m^3).

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Bố trí 01 trạm xịt rửa lốp xe tự động tại cổng khu B để làm sạch bánh xe trước khi ra khỏi khu vực khai thác.

- Bố trí trạm xịt rửa lốp xe di động tại đoạn giao giữa đường lâm sinh vào dự

án và tuyến đường ĐT 9.

- Lắp tua dây cao su tiếp xúc bánh xe để giảm bụi có thể xả ra từ bánh xe khi vận chuyển trên đường.

- Bố trí giàn phun nước chống bụi, cụ thể: năm 1, bố trí giàn phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển trong phạm vi mỏ, trên tuyến đường vận chuyển giữa khu A và khu B; các năm còn lại (năm 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8), bố trí giàn phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển trong phạm vi mỏ (khu B), trong đó giàn phun nước trên tuyến đường vận chuyển giữa khu A và B sử dụng trong năm 1 sẽ được dịch chuyển bố trí trên tuyến đường vận chuyển từ công khu B đến gần mốc M12.

- Bố trí 02 xe bồn phun nước tuyến đường vận chuyển (tuyến đường ĐT 9 trong bán kính 01 km tính từ đoạn giao giữa đường lâm sinh vào dự án, đoạn đường lâm sinh từ điểm mốc M12 đến đoạn giao với tuyến đường ĐT 9).

- Đầu tư tuyến đường bê tông dài khoảng 50m đoạn từ điểm giao với tuyến đường ĐT9 vào vị trí dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 thùng rác (dung tích 120 lít) có nắp đậy kín đặt cạnh nhà điều hành, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn thông thường: bùn đất từ quá trình nạo vét hồ lắng định kỳ được tập trung tại khu A để tận dụng cho hoạt động san gạt, trồng cây cải tạo, phục hồi môi trường dự án sau này.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Bố trí 03 thùng chứa (dung tích 50 lít/thùng), xây dựng kho (diện tích 12 m²) để lưu giữ chất thải nguy hại và thực hiện việc quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung; không sử dụng còi hơi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực dân cư, trường học.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý, hạn chế vận chuyển vào ban đêm và giờ

nghỉ ngơi của người dân.

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

4.2.4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Thực thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố sạt lở đất; sự cố tai nạn tại công trình; sự cố dịch bệnh, an toàn thực phẩm; sự cố đối với hồ lắng.

4.2.5. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Lắp đặt biển báo giao thông tại điểm giao giữa đường vào dự án và đường ĐT9; cử cán bộ phân luồng giao thông trong trường hợp các phương tiện vận chuyển ra vào với tần suất lớn. Các phương tiện vận chuyển được phủ bạt để tránh rơi vãi đất đá trên đường.

- Không đào khoét, khai thác hồng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất có nguy cơ bị sụp đổ. Khởi thông mương thoát nước tại các chân tầng khai thác, mương thoát nước của khu vực mỏ trước mỗi mùa mưa bão. Khi trời mưa to, đất bờ rời thì nguy cơ sạt lở cao, vì vậy Chủ dự án sẽ tạm ngừng khai thác để tránh những thiệt hại do sự cố này gây ra. Yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại nhà văn phòng.

- Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả. Định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy, tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành. Tập huấn, nâng cao hiểu biết và khả năng ứng phó khi có cháy xảy ra cho công nhân của dự án. Không sử dụng phương pháp đốt lửa để phát quang.

4.3. Giai đoạn đóng cửa mỏ

4.2.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

- Chủ dự án đưa ra các phương án kinh doanh mới (thăm dò và xin cấp phép khai thác ở những khu vực khác,...) để vừa đảm bảo được nguồn cung cấp vừa đảm bảo được công ăn việc làm cho lao động, không gây ra tình trạng thất nghiệp.

- Chủ dự án tiến hành thu gom chất thải rắn, dọn vệ sinh sạch sẽ tại khu vực dự án và hợp đồng đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý rác thải phát sinh trong giai đoạn này theo quy định.

- Chủ dự án thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường cho khu A sau năm khai thác đầu tiên; thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường cho khu B sau khi kết thúc khai thác. Phương án cải tạo môi trường thực hiện theo Nghị định số

08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Chủ dự án cử người bảo vệ, giám sát rừng trồng, đặc biệt khi thời tiết hanh khô, sẽ tiến hành phát dọn thực bì, làm đường ranh cản lửa.

4.2.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

4.2.2.1. Phương án:

- Thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường cho khu A sau năm khai thác đầu tiên; thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường cho khu B sau khi kết thúc khai thác Dự án, cụ thể:

+ Sau khi kết thúc khai thác năm đầu tiên: thực hiện san gạt đất khu A; san lấp 02 hồ lắng (hồ lắng 1 và hồ lắng 2); trồng cây trên diện tích san gạt.

+ Sau khi kết thúc khai thác: thực hiện san gạt đất khu B; san lấp 02 hồ lắng còn lại (hồ lắng 3 và hồ lắng 4) và hồ lắng tại trạm xịt rửa xe tự động; trồng cây trên diện tích san gạt; phá dỡ kho lưu giữ chất thải nguy hại (tháo dỡ tường tôn thép).

4.2.2.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 576.703.000 đồng.

- Số lần ký quỹ: 08 (tám) lần.

+ Lần 1, số tiền: 143.426.000 đồng.

+ Lần 2 đến lần 8, số tiền: 61.897.000 đồng/lần.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thừa Thiên Huế; số tài khoản: 0161 000 000 345 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Huế.

- Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2022.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1.1. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn khai thác

5.1.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- Số điểm giám sát: 02 vị trí.

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại trung tâm khu vực khai thác; 01 vị trí tại tuyến đường ĐT9 tại điểm giao giữa tuyến đường lâm sinh vào Dự án.

- Thông số giám sát: tiếng ồn, độ rung, bụi tổng, SO₂, CO, NO₂.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27:2016/BYT -

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về gia tốc rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.1.2. Giám sát nước thải:

- Số điểm giám sát: 04 vị trí (năm 1, 04 vị trí; các năm còn lại (năm 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8): 02 vị trí (vị trí nước thải sau hồ lắng 1 và hồ lắng 2 chỉ thực hiện quan trắc giám sát trong năm đầu tiên).

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau hồ lắng 1; 01 vị trí nước thải sau hồ lắng 2; 01 vị trí nước thải sau hồ lắng 3; 01 vị trí nước thải sau hồ lắng 4.

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Tổng N, Tổng P, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (giá trị C, cột B).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.1.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: toàn bộ phạm vi khu vực Dự án.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.1.4. Giám sát các sự cố môi trường:

- Giám sát các sự cố có thể xảy ra như sụt lún, xói lở đất,... hoặc khi có phản ánh của người dân và chính quyền để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

5.1.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn đóng cửa mỏ

5.1.2.1. Giám sát sự sinh trưởng và phát triển của cây:

- Trong thời gian đầu cây con còn yếu nên có thể sinh trưởng không tốt. Vì vậy cần theo dõi thường xuyên tình hình sâu bệnh, tỷ lệ cây con chết, mức tăng trưởng của cây để trồng dặm và tăng cường chăm sóc cây.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần.

5.1.2.2. Giám sát các sự cố môi trường:

- Giám sát các sự cố có thể xảy ra như sụt lún, xói lở đất, cháy rừng,... hoặc khi có phản ánh của người dân và chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần.

5.1.2.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Nội dung giám sát: tổng lượng thải, chủng loại, khối lượng từng loại, thời gian và cách lưu trữ, xử lý.

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ.

- Tần suất giám sát: 01 tháng/lần và giám sát khi có sự cố hoặc yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền. /.